

Bản án số: **59/2019/DSST**
Ngày 27-11-2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô rô Be**
2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Thủy T** – sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 206, khu phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Bùi Trung T1** – sinh năm 1978 (có mặt)

HKTT: ấp Y, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Tạm trú: số 206, khu phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Ông **Bùi Đức Đ** – sinh năm 1964 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Bà **Vũ Thị H** – sinh năm 1968 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Cùng địa chỉ: số 30, ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Ngô Thị Thủy T là anh Lê Trung T1 trình bày:***

Nguyên trước đây vào ngày 15/3/2019, ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H có vay của vợ anh là chị T số tiền là 850.000.000đ, hẹn trong thời gian 60 ngày sẽ trả, khi đó hai bên có làm biên nhận viết tay, không thỏa thuận lãi suất. Ngày 26/4/2019, ông Đ, bà H đã trả cho chị T được số tiền là 250.000.000đ, nên còn nợ của chị T số tiền là 600.000.000đ. Đến ngày 02/7/2019, ông Đ, bà H lại tiếp tục vay của chị T số tiền 100.000.000đ, hẹn 30 ngày sẽ trả, hai bên có làm biên nhận viết tay, không thỏa thuận lãi suất. Tổng cộng, hiện nay ông Đ, bà H còn nợ của chị T số tiền là 700.000.000đ. Chị T cũng đã yêu cầu ông Đ, bà H trả nợ nhiều lần nhưng ông bà chỉ hứa chứ không thực hiện.

Tại phiên tòa, anh T1 yêu cầu Đ, bà H phải trả cho chị T một lần số tiền là 700.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Do bị đơn ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Ngô Thị Thủy T và ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về thủ tục tố tụng:** Yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thủy T được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Đ, bà H vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn là anh T1 yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử

vắng mặt ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H.

- Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1] Xét thấy, ngày 15/3/2019, ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H có vay của chị T số tiền là 850.000.000đ, hẹn trong thời gian 60 ngày sẽ trả, khi đó hai bên có làm biên nhận viết tay, không thỏa thuận lãi suất. Ngày 26/4/2019, ông Đ, bà H đã trả cho chị T được số tiền là 250.000.000đ, nên còn nợ của chị T số tiền là 600.000.000đ. Đến ngày 02/7/2019, ông Đ, bà H lại tiếp tục vay của chị T số tiền 100.000.000đ, hẹn 30 ngày sẽ trả, hai bên có làm biên nhận viết tay, không thỏa thuận lãi suất. Như vậy, khi chị T cho ông Đ, bà H vay tiền thì đều có thỏa thuận thời hạn trả nợ, đối với khoản nợ 850.000.000đ theo biên nhận ngày 15/3/2019 thì ông Đ, bà H hẹn trong thời gian 60 ngày từ ngày vay sẽ trả hết nợ, đến ngày 26/4/2019 ông bà chỉ trả được 250.000.000đ; còn đối với khoản nợ 100.000.000đ theo biên nhận ngày 02/7/2019 thì ông Đ, bà H hẹn trong thời hạn 30 ngày từ ngày vay sẽ trả hết nợ. Tuy nhiên, cho đến nay cả hai khoản vay này đều đã hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận mà ông Đ, bà H vẫn không thực hiện việc trả hết số nợ cho chị T. Do vậy, việc anh T1 yêu cầu ông Đ, bà H phải trả cho chị T số nợ gốc 700.000.000đ là có căn cứ.

[2] *Về lãi suất:* Do anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thủy T, buộc ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H phải trả cho chị T số nợ gốc là 700.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của chị Ngô Thị Thủy T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí.

Buộc ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H phải nộp án phí là: $20.000.000đ + (4\% \times 300.000.000đ) = 32.000.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thủy T về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H.

2. Buộc ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H phải trả cho chị Ngô Thị Thủy T số tiền là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. **Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:** Ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H phải nộp số tiền là: $20.000.000đ + (4\% \times 300.000.000đ) = 32.000.000đ$ (Ba mươi hai triệu đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Ngô Thị Thủy T số tiền là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 0003547 ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo